

6 đề thi đọc hiểu luyện thi THPT Quốc gia môn Ngữ văn

Đề 1

Văn bản 1: Đọc đoạn văn sau (lời bài hát *Khát Vọng* – Phạm Minh Tuấn) và trả lời các câu hỏi:

Hãy sống như đời sống để biết yêu nguồn cội

Hãy sống như đôi núi vươn tới những tầm cao

Hãy sống như biển trào, như biển trào để thấy bờ bến rộng

Hãy sống như ước vọng để thấy đời mệnh mông

Và sao không là gió, là mây để thấy trời bao la

Và sao không là phù sa rót mỡ màu cho hoa

Sao không là bài ca của tình yêu đôi lứa

Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư

Và sao không là bão, là giông, là ánh lửa đêm đông

Và sao không là hạt giống xanh đất mẹ bao dung

Sao không là đàn chim gọi bình minh thức giấc

Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư

Câu 1: Chủ đề bài hát là gì? Phương thức biểu đạt của bài hát trên?

Câu 2: Chỉ ra và phân tích hiệu quả của những biện pháp tu từ được sử dụng trong lời bài hát trên?

Câu 3: Những câu nào trong lời bài hát để lại cho anh (chị) ấn tượng sâu sắc nhất?

Câu 4: Lời bài hát đem đến cho mọi người cảm xúc gì?

Văn bản 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Nước là yếu tố thứ hai quyết định sự sống chỉ sau không khí, vì vậy con người không thể sống thiếu nước. Nước chiếm khoảng 58 - 67% trọng lượng cơ thể người lớn và đối với trẻ em lên tới 70 - 75%, đồng thời nước quyết định tới toàn bộ quá trình sinh hóa diễn ra trong cơ thể con người.

Khi cơ thể mất nước, tình trạng rối loạn chuyển hóa sẽ xảy ra, Protein và Enzyme sẽ không đến được các cơ quan để nuôi cơ thể, thể tích máu giảm, chất điện giải mất đi và cơ thể không thể hoạt động chính xác. Tình trạng thiếu nước do không uống đủ hàng ngày cũng sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của não bởi có tới 80% thành phần mô não được cấu tạo từ nước, điều này gây trí nhớ kém, thiếu tập trung, tinh thần và tâm lý giảm sút...”

(Trích *Vai trò của nước sạch với sự sống của con người* - Nanomic.com.vn)

Câu 5: Nêu nội dung của đoạn trích.

Câu 6: Thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn trích trên là gì?

Câu 7: Xác định phong cách ngôn ngữ và phương thức biểu đạt của đoạn văn bản trên.

Gợi ý trả lời:

Câu 1:

- Chủ đề: Khát vọng ước mơ cao đẹp của con người.
- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm, miêu tả.

Câu 2:

- Các biện pháp tu từ được sử dụng trong lời bài hát:
 - + Điệp ngữ: *Hãy sống như, và sao không là...*
 - + Câu hỏi tu từ
 - + Liệt kê...
- Tác dụng: Các biện pháp tu từ trên nhấn mạnh vào khát vọng cao đẹp của nhạc sĩ, đặc biệt còn khiến lời ca như giục giã nhắc nhở con người về lẽ sống tốt đẹp...

Câu 3:

Những câu nào trong lời bài hát để lại ấn tượng sâu sắc nhất:

- *Hãy sống như đời sống để biết yêu nguồn cội*
- *Sao không là đàn chim gọi bình minh thức giấc*
- *Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư.*

Lời bài hát đều rất xúc động bởi ý nghĩa sâu xa. Ba câu thơ trên cho ta bài học về đạo lý sống tốt đẹp uống nước nhớ nguồn. Hơn thế, còn định hướng cho ta sống có ích như mặt trời đối với vạn vật trên trái đất.

Câu 4:

Lời bài hát đem đến cho mọi người cảm xúc phong phú, cảm phục tự hào về tình yêu cuộc đời tha thiết mà tác giả gửi gắm. Đó là khát vọng hóa thân để cống hiến và dựng xây cuộc đời.

Câu 5:

Vai trò của nước sạch đối với sự sống của con người.

Câu 6:

Thao tác lập luận diễn dịch.

Câu 7:

- Phong cách ngôn ngữ khoa học
- Phương thức thuyết minh.

Đề 2

Văn bản 1: Đọc văn bản sau đây và trả lời câu hỏi từ câu 1 - 4:

“Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói

Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ

Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa

Óng tre ngà và mềm mại như tơ

Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát

*Kể mọi điều bằng riu rít âm thanh
Như gió nước không thể nào nắm bắt
Dấu huyền trầm , dấu ngã chênh vênh”*

(Lưu Quang Vũ – Tiếng Việt)

- 1- Văn bản trên thuộc thể thơ nào?
- 2- Chỉ ra và phân tích biện pháp tu từ được sử dụng chủ yếu trong văn bản.
- 3- Văn bản thể hiện thái độ, tình cảm gì của tác giả đối với tiếng Việt.
- 4- Viết đoạn văn khoảng 6 – 8 câu, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt ở giới trẻ ngày nay.

Văn bản 2: Đọc văn bản sau đây và trả lời câu hỏi từ câu 5 - 8:

“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi. Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ to lớn , nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn , nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.”

(Hồ Chí Minh)

- 5- Anh (chị) hãy đặt tên cho đoạn trích.
- 6- Chỉ ra phép liên kết chủ yếu được sử dụng trong đoạn trên.
- 7- Đoạn trên viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Đặc trưng?
- 8-Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào để thể hiện lòng yêu nước trong câu : “ Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ to lớn , nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn , nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.”

Gợi ý:

- 1- Thể thơ tự do.
- 2- Biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong văn bản: so sánh:
 - Ôi tiếng Việt như đất cày , như lụa
 - Óng tre ngà và mềm mại như tơ
 - Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát
 - Như gió nước không thể nào nắm bắt

Tác dụng : hữu hình hóa vẻ đẹp của tiếng Việt bằng các hình ảnh, âm thanh; tiếng Việt đẹp bởi hình và thanh.

- 3- Văn bản trên thể hiện lòng yêu mến , thái độ trân trọng đối với vẻ đẹp và sự giàu có, phong phú của tiếng Việt.
- 4- Thí sinh phải viết một đoạn văn ngắn hoàn chỉnh khoảng 6 – 8 câu trình bày được suy nghĩ về trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.(Ví dụ: ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong nói và viết, phê phán các hành vi cố tình sử dụng sai tiếng Việt).
- 5- Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
- 6- Phép thế với các đại từ “ đó”, “ ấy”, “ nó”.

- 7- Tác giả đã dùng nghệ thuật ẩn dụ khi ngầm so sánh sức mạnh của lòng yêu nước với “ một làn sóng” ;
+ Dùng phép điệp trong câu trúc “ nó kết thành”, ” nó lướt qua”, “ nó nhấn chìm”...
+ Điệp từ “ nó”
+ Phép liệt kê.
- 8- Viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận, với những đặc trưng:
- Tính công khai về quan điểm chính trị.
- Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận.
- Tính truyền cảm , thuyết phục.

Đề 3:

Văn bản 1: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 3:

NHỚ ĐỒNG

*Gì sâu bằng những trưa thương nhớ
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!*

*Đâu dáng hình quen, đâu cả rồi
Sao mà cách biệt, quá xa xôi
Chao ôi thương nhớ, chao thương nhớ
Ôi mẹ già xa đơn chiếc ơi!*

*Đâu những hôn thân tự thuở xưa
Những hôn quen dãi gió dầm mưa
Những hôn chất phác hiền như đất
Khoai sắn tình quê rất thiết tha!*

*Đâu những ngày xưa, tôi nhớ tôi
Băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời
Vơ vẩn theo mãi vòng quanh quẩn
Muốn thoát, than ôi, bước chẳng rời*

*Rồi một hôm nào, tôi thấy tôi
Nhẹ nhàng như con chim cà lơi
Say hương đồng vui ca hát
Trên chín tầng cao bát ngát trời...*

*Cho tới chừ đây, tới chừ đây
Tôi mơ qua cửa khám bao ngày
Tôi thu tất cả trong thâm lặng
Như cánh chim buồn nhớ gió mây.*

*Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh
Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!*

Tố Hữu, Tháng 7 /1939

Câu 1: Đọc kĩ đoạn thơ, các thông tin liên quan đến bài thơ và cho biết Tố Hữu sáng tác bài thơ “Nhớ đồng” trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Đồng quê hiện lên qua nỗi nhớ của tác giả với những bóng dáng con người nào? Nêu cảm nhận của anh/chị về tình cảm của tác giả dành cho những con người đó.

Câu 3: Nhận xét về hai câu thơ đầu đoạn và hai câu cuối đoạn.

Văn bản 2: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi từ 4 đến 7:

... *Điền thương con lắm. Vút cái, Điền thấy Điền không thể nào đi được. Điền không thể sung sướng khi con Điền còn khổ. Chao ôi! Trăng đẹp lắm! Trăng dịu dàng và trong trẻo và bình tĩnh. Nhưng trong trong những căn lều nát mà trăng làm cho cái bề ngoài trông cũng đẹp, biết bao người quần quai, nức nở, nhăn nhó với những đau thương của kiếp mình! Biết bao tiếng nguyền rủa và chửi rủa! Biết bao cực khổ và làm than?... Không, không, Điền không thể nào mơ mộng được. Cái sự thật tàn nhẫn luôn luôn bày ra đấy. Sự thực giết chết những ước mơ lãng mạn gieo trong đầu óc Điền cái thứ văn chương của bọn nhân rồi quá. Điền muốn tránh sự thực, nhưng trốn tránh làm sao được? Vợ Điền khổ, con Điền khổ, cha mẹ Điền khổ. Chính Điền cũng khổ. Bao nhiêu người nữa, cùng một cảnh, khổ như Điền! Cái khổ làm héo một phần lớn những tính tình tươi đẹp của người ta. Tiếng đau khổ vang dội lên mạnh mẽ. Chao ôi! Chao ôi! Nghệ thuật không cần là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than, vang dội lên mạnh mẽ trong lòng Điền. Điền chẳng cần đi đâu cả. Điền chẳng cần trốn tránh, Điền cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời ...*

Sáng hôm sau, Điền ngồi viết. Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gặt gồng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà.

(Trích *Giăng sáng* – Nam Cao)

Câu 4: Nội dung chính của văn bản trên là gì?

Câu 5: Ngôn ngữ trong văn bản trên là của ai? Việc sử dụng ngôn ngữ đó có tác dụng gì?

Câu 6: Anh/chị cảm nhận như thế nào về nhân vật Điền trong văn bản trên? Viết câu trả lời trong khoảng 10 dòng.

Câu 7: Điền quan niệm: “*Nghệ thuật không cần là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than*”. Anh/chị có đồng ý với quan niệm đó hay không? Vì sao?

Gợi ý:

Câu 1: Bài thơ Nhớ đồng sáng tác trong hoàn cảnh tác giả bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ (Huế) tháng 7 năm 1939 vì “tội” tuyên truyền thanh niên, học sinh chống Pháp.

Câu 2: Đồng quê hiện lên trong nỗi nhớ của nhà thơ với hình ảnh con người bình dị, mộc mạc mà lam lũ, vất vả của quê hương: “Mẹ già xa đơn chiếc”, “những hồn thân” “những hồn quen dãi gió dầm sương” “những hồn chất phác hiền như đất”, nhớ qua một “tiếng hò”. Điệp từ nghi vấn “Đâu” đặt ở đầu câu cùng với một loạt từ cảm thán đã diễn tả một cách tự nhiên và chân thực tình cảm gắn bó máu thịt của nhà thơ đối với cuộc sống và con người quê hương. Dường như người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi đang chìm đắm trong nỗi nhớ nhưng, trong dòng hồi ức miên man không dứt. Người đọc cảm nhận rất rõ tâm trạng cô đơn, đau khổ của người tù lúc này.

Câu 3: Hai câu kết là sự lặp lại của hai câu thơ đầu, tạo nên kết cấu vòng tròn. Bài thơ khép lại nhưng cảm xúc thơ vẫn tiếp tục mở rộng như nhiều vòng sóng đồng tâm, mỗi lúc một lan xa, tỏa rộng không giới hạn.

Câu 4: Nội dung chính của văn bản: Tâm trạng đau khổ, đầy bi kịch và những trăn trở về nghệ thuật của nhân vật Điền.

Câu 5: Ngôn ngữ trong văn bản là ngôn ngữ nửa trực tiếp, nhà văn hóa thân vào nhân vật để cất lên tiếng nói nội tâm của nhân vật -> Ngôn ngữ đa thanh – một trong những đặc trưng của văn xuôi Nam Cao. Nó làm tăng sự chân thực cho đoạn văn.

Câu 6: Cảm nhận về nhân vật Điền:

- Là 1 nhà văn có lí tưởng đẹp đẽ về văn chương nghệ thuật.
- Có cái nhìn chân thực, sâu sắc về cuộc đời, về mối quan hệ giữa văn chương nghệ thuật và cuộc sống: nghệ thuật phải vị nhân sinh chứ k phải nghệ thuật vị nghệ thuật.
- > Nhà văn có tâm huyết, có tình thương và có hoài bão lớn.

Câu 7: Quan điểm nghệ thuật vị nhân sinh:

- Bày tỏ thái độ đồng tình.
- Vì:
 - + Con người là đối tượng phản ánh của văn học, hiện thực cuộc sống chính là nguồn cảm hứng, là chất liệu tạo nên tác phẩm văn học. Con người cũng chính là đối tượng hướng tới của văn học. Nếu xa rời hiện thực, văn chương sẽ trở nên xáo rỗng; không có độc giả, văn chương sẽ “chết”.
 - + Văn chương phải cất lên tiếng nói sẻ chia, đồng cảm với con người mới là văn chương chân chính.

Đề 4

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

"... (1) *Thật vậy, Nguyễn Du, đại thi hào của dân tộc từng viết: “Sách vở đầy bốn vách/ Có mấy cũng không vừa”. Đáng tiếc, cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phôi pha. Sách in nhiều nơi không bán được, nhiều nhà xuất bản đóng cửa vì thua lỗ, đặc biệt sách bị cạnh tranh khốc liệt bởi những phương tiện nghe nhìn như ti vi, Ipad, điện thoại Smart, và hệ thống sách báo điện tử trên Internet. Nhiều gia đình giàu có thay tủ sách bằng tủ ... rượu các loại. Các thư viện lớn của các thành phố hay của tỉnh cũng chỉ hoạt động cầm chừng, cố duy trì sự tồn tại.*

...(2) *Bỗng chợt nhớ khi xưa còn bé, với những quyển sách giấu trong áo, tôi có thể đọc sách khi chờ mẹ về, lúc nấu nồi cơm, lúc tha thân trong vườn, vắt vẻo trên cây, lúc chần trâu, lúc chờ xe bus... Hay hình ảnh những công dân nước Nhật mỗi người một quyển sách trên tay lúc ngồi chờ tàu xe, xem hát, v.v... càng khiến chúng ta thêm yêu mến và khâm phục. Ngày nay, hình ảnh ấy đã bớt đi nhiều, thay vào đó là cái máy tính hay cái điện thoại di động. Song sách vẫn luôn cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống phẳng hiện nay...*

(Trích “Suy nghĩ về đọc sách” – Trần Hoàng Vy, Báo Giáo dục & Thời đại, Thứ hai ngày 13.4.2015)

Câu 1. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên. **Câu 2.** Trong đoạn (2), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu 3. Hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng: “*cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phôi pha*”?

Câu 4. Anh/chị hãy nêu ít nhất 02 tác dụng của việc đọc sách. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng.

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng*

*Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời, khi như mặt trăng*

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi*

*Và chúng tôi một thứ quả trên đời
Bảy mươi tuổi mẹ mong chờ được hái
Tôi hoảng sợ, ngày bàn tay mẹ mới
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh.*

(Thơ Việt Nam 1945 – 1985, NXB Văn học, Hà Nội, 1985)

Câu 5. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

Câu 6. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong bốn dòng đầu của đoạn thơ trên.

Câu 7. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.

Câu 8. Anh/chị hãy nhận xét tư tưởng của tác giả thể hiện trong hai dòng thơ: “*Tôi hoảng sợ, ngày bàn tay mẹ mới/ Mình vẫn còn một thứ quả non xanh*”. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng.

ĐÁP ÁN:

Câu 1. Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: *Song sách vẫn luôn cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống phẳng hiện nay.*

Câu 2. Trong đoạn (2), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận so sánh.

Câu 3. Tác giả cho rằng “*cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phai pha*” vì ở thời đại công nghệ số, con người chỉ cần gõ bàn phím máy tính hoặc điện thoại di động đã có thể tiếp cận thông tin ở nhiều phương diện của đời sống, tại bất cứ nơi đâu, trong bất kì thời gian nào, nên việc đọc sách đã dần trở nên phai pha.

Câu 4. Nêu ít nhất 02 tác dụng của việc đọc sách. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

Câu 5. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: phương thức tự sự.

Câu 6. Hai biện pháp tu từ: lặp cấu trúc (ở hai dòng thơ “*Những mùa quả*”...), so sánh (trong câu “*Như mặt trời, khi như mặt trăng*”).

Câu 7. Nội dung chính của đoạn thơ: Đoạn thơ từ chuyện trồng cây sang khắc sâu sự hy sinh thâm lặng của mẹ; tình yêu, lòng biết ơn công dưỡng dục sinh thành và nỗi lo sợ mẹ sẽ mất đi mà mình vẫn chưa nên người.

Câu 8. Tư tưởng của tác giả thể hiện trong hai dòng thơ cuối: Hai câu thơ không chỉ là hàm ý lòng biết ơn mà còn là sự ân hận như một thứ “*tự kiểm*” về sự chậm trễ thành đạt của đứa con chưa làm thỏa được niềm vui của mẹ. Đó là suy nghĩ của một người con chí hiếu.

Đề 5

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 4:

"Chưa bao giờ cô Tư thấy rõ cái đau khổ ngậm ngùi của tiếng đàn đáy buổi này. Tiếng đàn hậm hực, chùng chùng như không thoát hết được vào không gian. Nó nghẹn ngào, liếm kết (kết tụ lại) cái u uất vào tận bên

trong lòng người thâm âm. Nó là một cái tâm sự không tiết ra được. Nó là nỗi ủ kín bực dọc bụng bít. Nó giống như cái trạng huống thở than của một cảnh ngộ tri âm... Nó là niềm vang dội quặn quại của những tiếng chung tình. Nó là cái dư ba của bể chiều đứt chân sóng. Nó là cơn gió chẳng lọt kẽ màn thưa. Nó là sự tái phát chứng tật phong thấp vào cỡ cuối thu dầm dề mưa ẩm và nhức nhối xương tủy. Nó là cái lá lay nhào lìa của lá bỏ cành....Nó là cái oan uổng nghìn đời của cuộc sống thanh âm. Nó là sự khốn nạn khốn đốn của chỉ tơ con phím"

(Trích từ *Chùa đàn* - Nguyễn Tuân)

Câu 1: Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Dấu hiệu để nhận biết phong cách ngôn ngữ ấy?

Câu 2: Đoạn văn này giúp anh/chị nhớ đến tiếng đàn của các nhân vật trong những tác phẩm đã học nào ở chương trình Ngữ Văn THPT? Hãy trình bày nét tương đồng với tiếng đàn trong các tác phẩm ấy.

Câu 3: Biện pháp tu từ chủ yếu nào đã được tác giả sử dụng trong việc miêu tả tiếng đàn ? Tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

Câu 4: Thử đặt nhan đề cho đoạn trích.

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

TRĂNG NỞ NỤ CƯỜI

*Đâu Thị Nở, đâu Chí Phèo,
Đâu làng Vũ Đại đói nghèo Nam Cao ???
Vẫn vườn chuối gió lao xao
Sông Châu vẫn chảy nôn nao mạn thuyền...*

*Áng ngổ ngẩn. Gã khùng điên.
Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người!
Vườn xoong trăng nở nụ cười
Phút giây tan chảy vàng mười trong nhau.*

*Giữa đời vàng lẫn với thau
Lòng tin còn chút về sau để dành
Tình yêu nên vị cháo hành
Đời chung bát vỡ thơm lành lúa đôi!*

(Thơ của Lê Đình Cánh)

Câu 5: Xác định thể thơ? Cách gieo vần?

Câu 6: Bài thơ giúp anh/chị liên tưởng đến tác phẩm nào đã học trong chương trình phổ thông?

Câu 7: Câu thơ: “*Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người*” có ý nghĩa gì? Liên quan các nhân vật nào trong tác phẩm vừa liên hệ ở câu 6.

Câu 8: Vị cháo hành được nhắc đến trong hai câu thơ cuối là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm nào của Nam Cao? Hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 15 câu bình luận chi tiết nghệ thuật này?

ĐÁP ÁN:

Câu 1:

- Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

- Dựa vào các đặc trưng nhận biết phong cách ngôn ngữ ấy: tính hình tượng [hình tượng tiếng đàn], tính truyền cảm, tính cá thể.

Câu 2:

- Đoạn văn này gợi nhớ đến tiếng đàn của Thúy Kiều trong *Truyện Kiều*, Lor-ca trong *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

- Nét tương đồng với tiếng đàn trong các tác phẩm ấy : Tiếng đàn gắn với nỗi đau thân phận.

Câu 3:

- Biện pháp tu từ chủ yếu được tác giả sử dụng trong việc miêu tả tiếng đàn: So sánh, nhân hóa, điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc.

- Tác dụng: Giúp cho đoạn văn giàu hình ảnh, nhạc điệu, sinh động, hấp dẫn hơn trong việc đặc tả các cung bậc tiếng đàn.

Câu 4: Đặt nhan đề cho đoạn trích: *Cung bậc tiếng đàn, Tiếng đàn đáy...*

Câu 5: Thể thơ lục bát; gieo vần chân và vần lưng.

Câu 6: Bài thơ giúp ta liên tưởng tới truyện ngắn “*Chí Phèo*” của Nam Cao.

Câu 7: Câu thơ: “*Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người*” thể hiện sức mạnh, sức cảm hóa lớn lao mà tình yêu mang đến. Liên quan các nhân vật: Chí Phèo và Thị Nở trong tác phẩm “*Chí Phèo*”.

Câu 8:

* Vị cháo hành được nhắc đến trong hai câu thơ cuối là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm “*Chí Phèo*” của Nam Cao.

* Ý nghĩa:

- Về nội dung:

+ Thể hiện sự chăm sóc ân cần, tình thương vô tư, không vụ lợi của thị Nở khi Chí Phèo ốm đau, trợ trợ.

+ Là biểu hiện của tình người hiếm hoi mà Chí Phèo được nhận, là hương vị của hạnh phúc, tình yêu muộn màng mà Chí Phèo được hưởng.

+ Là liều thuốc giải cảm và giải độc tâm hồn Chí, gây ngạc nhiên, xúc động mạnh, khiến nhân vật ăn năn, suy nghĩ về tình trạng tê thảm hiện tại của mình. Nó khơi dậy niềm khao khát được làm hoà với mọi người, hi vọng vào một cơ hội được trở về với cuộc sống lương thiện. Như vậy, bát cháo hành đã đánh thức nhân tính bị vùi lấp lâu nay ở Chí Phèo.

- Về nghệ thuật:

+ Là chi tiết rất quan trọng thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện, khắc họa sâu sắc nét tính cách, tâm lí và bi kịch của nhân vật.

+ Góp phần thể hiện sinh động tư tưởng Nam Cao: tin tưởng vào sức mạnh cảm hoá của tình người.

Đề 6

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“*Cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ngoài ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống nghèo nàn, dù nó có đầy đủ tiện nghi đến đâu đi nữa. nó giống như một mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy*

hoa thơm sạch sẽ và gọn gàng. Mảnh vườn này có thể làm chủ nhân của nó êm ấm một thời gian dài, nhất là khi lớp rào bao quanh không còn làm họ vướng mắt nữa. Nhưng hễ có một cơn dông tố nổi lên là cây cối sẽ bị bật khỏi đất, hoa sẽ nát và mảnh vườn sẽ xấu xí hơn bất kì một nơi hoang dại nào. Con người không thể hạnh phúc với một hạnh phúc mong manh như thế. Con người cần một đại dương mênh mông bị bão táp làm nổi sóng nhưng rồi lại phẳng lì và trong sáng như trước. Số phận của những cái tuyệt đối cá nhân không bộc lộ ra khỏi bản thân, chẳng có gì đáng thèm muốn.”

[Theo A.L.Ghec-xen, 3555 câu danh ngôn, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội,

1997] **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. **Câu 2:** Nêu nội dung chính của văn bản trên.

Câu 3: Chỉ ra tác dụng của việc dùng phép so sánh trong văn bản trên.

Câu 4: Theo quan điểm riêng của anh/ chị, cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình gây ra những tác hại gì? [Trả lời ít nhất 2 tác hại trong khoảng 5-7 dòng]

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NOI DỰA

Người đàn bà nào dắt đứa nhỏ đi trên đường kia ?

Khuôn mặt trẻ đẹp chìm vào những miền xa nào..

Đứa bé đang lẫm chẫm muôn chạy lên, hai chân nó cứ ném về phía trước, bàn tay hoa hoa một điệu múa kì lạ.

Và cái miệng líu lo không thành lời, hát một bài hát chưa từng có.

Ai biết đâu, đứa bé bước còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia sống.

Người chiến sĩ nào đỡ bà cụ trên đường kia?

Đôi mắt anh có cái ánh riêng của đôi mắt đã nhiều lần nhìn vào cái chết.

Bà cụ lưng còng tựa trên cánh tay anh bước từng bước run rẩy.

Trên khuôn mặt già nua, không biết bao nhiêu nếp nhăn đan vào nhau, mỗi nếp nhăn chứa đựng bao nỗi cực nhọc gắng gỏi một đời.

Ai biết đâu, bà cụ bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ kia đi qua những thử thách.

(Nguyễn Đình Thi, Tia nắng, NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

Câu 5: Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên.

Câu 6: Hãy chỉ ra nghịch lí trong hai câu in đậm của văn bản trên.

Câu 7: Qua văn bản trên, anh/ chị hiểu thế nào là nơi dựa của mỗi con người trong cuộc đời?

Câu 8: Xác định các dạng của phép điệp trong văn bản trên và nêu hiệu quả nghệ thuật của chúng.

ĐÁP ÁN:

Câu 1:

Phương thức biểu đạt chính của văn bản: phương thức nghị luận/ nghị luận.

Câu 2:

Nội dung chính của văn bản trên: khẳng định cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống sai lầm/bác bỏ một quan niệm sống sai lầm: sống bó hẹp trong ngưỡng cửa nhà mình.

Câu 3:

Tác giả đã so sánh cuộc sống của mỗi người (*cuộc sống đầy đủ tiện nghi; cuộc sống biệt lập; cuộc sống lúc sáng gió; ...*) với một mảnh vườn (*mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm, sạch sẽ và gọn gàng; mảnh vườn có lớp rào bao quanh; mảnh vườn lúc đông tó nổi lên; ...*)

Tác dụng: việc sử dụng phép so sánh khiến đoạn văn trở nên sinh động, truyền cảm, dễ hiểu, có sức thuyết phục cao chứ không khô khan như khi chỉ sử dụng lí lẽ thuần túy.

Câu 4:

Nêu ít nhất 02 tác hại của *cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình* theo quan điểm riêng của bản thân, không nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

Câu 5:

Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật/ văn chương.

Câu 6:

Nghịch lí trong hai câu in đậm của văn bản: Thông thường người yếu đuối tìm nơi dựa ở người vững mạnh. Ở đây ngược lại. Người mẹ trẻ khỏe dựa vào đứa con mới biết đi chập chững. Anh bộ đội dạn dày chiến trận dựa vào cụ già bước từng bước run rẩy trên đường.

Câu 7:

Nơi dựa của mỗi người trong cuộc đời mà bài thơ đề cập đến là nơi dựa tinh thần, nơi con người tìm thấy niềm vui, ý nghĩa sống, ...

Câu 8:

Các dạng của phép điệp trong văn bản: điệp từ (*đứa bé, bà cụ, ...*), điệp ngữ (*ai biết đâu, lại chính là nơi dựa, ...*), điệp cấu trúc (câu mở đầu của 2 đoạn có cấu trúc giống nhau, câu kết của 2 đoạn cũng vậy), điệp kết cấu giữa hai đoạn.

Hiệu quả nghệ thuật: tạo sự cân xứng, nhịp nhàng, hài hòa giữa hai đoạn thơ, góp phần khẳng định nơi dựa của mỗi người trong cuộc sống chính là nơi ta tìm thấy niềm vui và hạnh phúc.